

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY SẢN CỬU LONG

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	13 - 33

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2100307704, đăng ký lần đầu ngày 22 tháng 02 năm 2005 và đăng ký thay đổi lần thứ 06 ngày 06 tháng 6 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Trà Vinh cấp.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : 36 Bạch Đằng, Phường 4, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.
- Điện thoại : (84 - 74) 3852 231
- Fax : (84 - 74) 3852 078

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; nuôi trồng các mặt hàng thủy hải sản và súc sản; kinh doanh trong và ngoài nước các mặt hàng thủy sản, nông súc sản; nhập khẩu nguyên liệu, vật tư máy móc, hóa chất, phụ gia và thức ăn tôm cá phục vụ nuôi trồng, chế biến hàng xuất khẩu và tiêu thụ trong nước; kinh doanh dịch vụ cho thuê xe tải và kho bãi, dịch vụ kiểm nghiệm; vận chuyển hành khách bằng ô tô và các dịch vụ khác.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn Bang	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2016
Ông Trương Văn Tân	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2016
Bà Trần Thị Thu Trà	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2016
Bà Đỗ Lan Hương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2016
Ông Phan Văn Bé	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2016
Ông Đoàn Văn Đông	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2016
Ông Đoàn Văn Đông	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 28 tháng 11 năm 2016
Ông Hứa Thành Lập	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2016
Ông Trần Thanh Lễ	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2016
Ông Nguyễn Ngô Vi Tâm	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2016

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Hồ Thị Á	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2016
Ông Nguyễn Đông Hải	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2016
Bà Nguyễn Thị Hồng Nhanh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2016
Bà Nguyễn Thị Liễu Tuyền	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2016
Ông Bùi Minh Độ	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2016
Ông Bùi Minh Độ	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 28 tháng 11 năm 2016
Bà Nguyễn Thị Thái Ly	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2016



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CỬU LONG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn Bang	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2016
Ông Trần Thanh Lễ	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2016
	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2016
Ông Nguyễn Đông Hải	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2017

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn Bang	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2016
Ông Trần Thanh Lễ	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2016

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Trần Thanh Lễ
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 3 năm 2017



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 02 Trương Sơn St., Tân Bình Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Trần Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 15-13 Võ Nguyên Giáp St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 0368/2017/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CỬU LONG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 04 tháng 3 năm 2017, từ trang 06 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Lý Quốc Trung - Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0099-2013-008-1

Phan Vũ Công Bá - Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0197-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CỬU LONG

Địa chỉ: 36 Bạch Đằng, Phường 4, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		159.727.407.570	109.603.749.320
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	14.952.067.955	16.262.191.340
1. Tiền	111		8.952.067.955	16.262.191.340
2. Các khoản tương đương tiền	112		6.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		14.000.000.000	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	14.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		56.359.315.369	38.355.321.332
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	50.492.385.458	38.165.590.072
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		115.482.000	-
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	6.143.135.188	463.912.354
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(391.687.277)	(274.181.094)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		70.439.122.450	54.305.515.340
1. Hàng tồn kho	141	V.6	73.257.824.191	61.182.442.796
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.6	(2.818.701.741)	(6.876.927.456)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.976.901.796	680.721.308
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	957.795.201	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.933.683.835	680.721.308
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	85.422.760	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CỬU LONG

Địa chỉ: 36 Bạch Đằng, Phường 4, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		38.057.666.186	46.107.217.001
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		32.049.906.564	39.277.502.428
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	31.976.309.535	39.202.087.003
- Nguyên giá	222		132.477.031.559	131.398.786.078
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(100.500.722.024)	(92.196.699.075)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	73.597.029	75.415.425
- Nguyên giá	228		90.920.000	90.920.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(17.322.971)	(15.504.575)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		4.555.203.790	4.803.104.282
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2	10.500.000.000	10.500.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2	296.600.000	296.600.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2	(6.241.396.210)	(5.993.495.718)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.452.555.832	2.026.610.291
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	1.029.750.571	465.240.910
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.10	422.805.261	1.561.369.381
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		197.785.073.756	155.710.966.321

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CỬU LONG

Địa chỉ: 36 Bạch Đằng, Phường 4, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		107.209.620.788	78.647.290.624
I. Nợ ngắn hạn	310		107.209.620.788	72.090.088.874
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	11.666.894.504	2.433.319.881
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	2.049.340.799	1.231.829.294
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	63.542.149	35.844.556
4. Phải trả người lao động	314	V.14	9.289.669.958	8.595.131.760
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	1.909.687.222	4.967.837.885
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	9.876.104.958	1.661.521.690
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	72.023.223.800	52.821.576.410
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	331.157.398	343.027.398
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	6.557.201.750
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	3.025.000.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	3.532.201.750
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CỬU LONG

Địa chỉ: 36 Bạch Đằng, Phường 4, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		90.575.452.968	77.063.675.697
I. Vốn chủ sở hữu	410		90.575.452.968	77.063.675.697
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.19	80.000.000.000	80.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		80.000.000.000	80.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.19	27.326.000.000	27.326.000.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.19	-	20.711.257.648
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.19	(16.750.547.032)	(50.973.581.951)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(30.262.324.303)	(50.973.581.951)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		13.511.777.271	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		197.785.073.756	155.710.966.321

Trà Vinh, ngày 04 tháng 3 năm 2017


Phạm Thị Huyền Diệu
 Người lập


Nguyễn Đông Hải
 Kế toán trưởng



Trần Thanh Lễ
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CỬU LONG

Địa chỉ: 36 Bạch Đằng, Phường 4, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

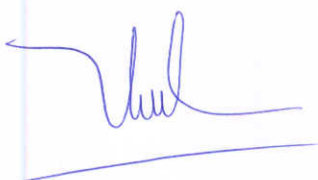
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	624.805.122.360	533.142.701.602
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	7.804.785.210	136.756.620
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		617.000.337.150	533.005.944.982
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	577.036.096.918	497.256.184.079
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		39.964.240.232	35.749.760.903
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	3.108.463.370	3.929.391.503
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	4.391.093.642	10.423.946.841
Trong đó: chi phí lãi vay	23		2.295.145.419	2.890.292.451
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	13.678.345.616	10.902.347.427
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	12.178.133.942	13.911.686.035
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		12.825.130.402	4.441.172.103
11. Thu nhập khác	31	VI.8	2.340.284.075	14.525.463
12. Chi phí khác	32	VI.9	515.073.086	169.025.510
13. Lợi nhuận khác	40		1.825.210.989	(154.500.047)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		14.650.341.391	4.286.672.056
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.13	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.10	1.138.564.120	(887.872.711)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>13.511.777.271</u>	<u>5.174.544.767</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	<u>1.689</u>	<u>647</u>
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	<u>1.689</u>	<u>647</u>

Trà Vinh, ngày 04 tháng 3 năm 2017


Phạm Thị Huyền Diệu
Người lập


Nguyễn Đông Hải
Kế toán trưởng


Trần Thanh Lễ
Tổng Giám đốc



Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CỬU LONG

Địa chỉ: 36 Bạch Đằng, Phường 4, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		14.650.341.391	4.286.672.056
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.8, V.9	9.330.244.342	11.205.935.786
- Các khoản dự phòng	03		(7.225.020.790)	11.924.929.521
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.5	317.086.302	(181.035.983)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.4, VI.9	(251.494.943)	(7.701.909)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	2.295.145.419	2.890.292.451
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	45.134.392
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		19.116.301.721	30.164.226.314
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(19.609.412.202)	13.998.035.276
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(12.075.381.395)	(3.655.121.970)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		15.896.076.774	(2.131.996.386)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.522.304.862)	181.511.295
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(2.281.051.849)	(2.902.790.534)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.18	(11.870.000)	(72.400.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(487.641.813)	35.581.463.995
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.8	(2.210.709.090)	(4.994.562.909)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2a	(14.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	100.052.577
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(16.210.709.090)	(4.894.510.332)

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CỬU LONG

Địa chỉ: 36 Bạch Đằng, Phường 4, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

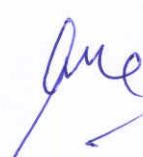
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.17	437.355.085.052	372.028.110.542
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.17	(421.999.313.538)	(392.295.138.828)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		15.355.771.514	(20.267.028.286)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(1.342.579.389)	10.419.925.377
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	16.262.191.340	5.833.603.664
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		32.456.004	8.662.299
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	14.952.067.955	16.262.191.340

Trà Vinh, ngày 04 tháng 3 năm 2017




Phạm Thị Huyền Diệu
 Người lập


Nguyễn Đông Hải
 Kế toán trưởng


Trần Thanh Lễ
 Tổng Giám đốc

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản, Nuôi trồng các mặt hàng thủy hải sản và súc sản; kinh doanh trong và ngoài nước các mặt hàng thủy sản, nông súc sản; Nhập khẩu nguyên liệu, vật tư máy móc, hóa chất, phụ gia và thức ăn tôm cá phục vụ nuôi trồng, chế biến hàng xuất khẩu và tiêu thụ trong nước.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty

Doanh thu và lợi nhuận năm nay của Công ty đều gia tăng đáng kể so với năm trước chủ yếu là do trong năm Công ty có thêm được nhiều khách hàng mới, gia tăng sản lượng tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa.

6. Cấu trúc Công ty

Công ty chỉ đầu tư vào công ty liên kết là Công ty Cổ phần Thủy sản Sao Biển có trụ sở chính tại khóm 1, thị trấn Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là thu mua nuôi trồng chế biến thủy hải sản. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty liên kết này là 35%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 745 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 645 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua chuyển khoản trung bình của các ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết. Nếu công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CỬU LONG

Địa chỉ: 36 Bạch Đằng, Phường 4, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ dụng cụ và chi phí sửa chữa. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng không quá 02 năm.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 15
Máy móc và thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 09
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty chỉ bao gồm Quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất, Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu gia công

Doanh thu đối với hoạt động nhận gia công vật tư, hàng hóa là số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hóa nhận gia công.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

14. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu chỉ bao gồm hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh hàng bán bị trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản hàng bán bị trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.
- Nếu khoản hàng bán bị trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

16. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CỬU LONG

Địa chỉ: 36 Bạch Đằng, Phường 4, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	4.641.872.713	543.425.318
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.310.195.242	15.718.766.022
Các khoản tương đương tiền (*)	6.000.000.000	-
Cộng	14.952.067.955	16.262.191.340

(*) Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng.

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc 12 tháng. Trong đó, khoản tiền gửi có kỳ hạn 5.000.000.000 VND được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Trà Vinh.

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<i>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</i>				
Công ty Cổ phần Thủy sản Sao Biển ⁽ⁱ⁾	10.500.000.000	(5.944.796.210)	10.500.000.000	(5.696.895.718)
<i>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</i>				
Hợp tác xã Thắng Lợi ⁽ⁱⁱ⁾	296.600.000	(296.600.000)	296.600.000	(296.600.000)
Cộng	10.796.600.000	(6.241.396.210)	10.796.600.000	(5.993.495.718)

(i) Khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần Thủy sản Sao Biển với tỷ lệ vốn góp 35%.

(ii) Khoản góp vốn vào Hợp tác xã Thắng Lợi với tỷ lệ vốn góp 15%. Hợp tác xã đã ngưng hoạt động từ năm 2014 do thua lỗ nhiều năm, Công ty đã trích lập dự phòng 100% cho khoản đầu tư này.

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của Công ty liên kết

Công ty Cổ phần Thủy sản Sao Biển bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh từ tháng 4/2008. Hoạt động kinh doanh trong những năm gần đây gặp nhiều khó khăn và thường xuyên bị thua lỗ.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	5.993.495.718	3.744.076.185
Trích lập dự phòng bổ sung	247.900.492	2.249.419.533
Số cuối năm	6.241.396.210	5.993.495.718

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CỬU LONG

Địa chỉ: 36 Bạch Đằng, Phường 4, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*Giao dịch với công ty liên kết*

Công ty không phát sinh giao dịch với công ty liên kết.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Emc Distribution	-	6.537.234.726
Công ty TNHH Denti	3.000.074.986	4.201.712.010
Freshpack Exploitation S.A	3.872.824.911	8.665.477.976
Nichirei Fresh Inc.	3.975.015.126	7.233.329.248
Heiploeg International BV.	16.533.574.700	-
Nordic Sea Food A/S	9.949.659.725	-
Các khách hàng khác	13.161.236.010	11.527.836.112
Cộng	50.492.385.458	38.165.590.072

4. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Tạm ứng	347.400.000	-	123.630.000	-
Tiền bảo hiểm nhân viên	221.406.350	-	340.282.354	-
Lãi dự thu	359.555.555	-	-	-
Tiền thu của các đơn vị (Hợp đồng ủy thác xuất khẩu)	5.178.823.400	-	-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	35.949.883	-	-	-
Cộng	6.143.135.188	-	463.912.354	-

5. Nợ xấu

Khoản nợ phải thu Công ty TNHH Nhật Hồng quá hạn trên 03 năm.

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	274.181.094	235.876.558
Trích lập dự phòng bổ sung	117.506.183	78.337.456
Xóa nợ	-	(40.032.920)
Số cuối năm	391.687.277	274.181.094

6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Nguyên liệu, vật liệu	7.323.409.480	-	2.072.209.594	-
Công cụ, dụng cụ	110.708.472	-	152.980.182	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	13.379.105	-	-	-
Thành phẩm (*)	65.810.327.134	(2.818.701.741)	58.957.253.020	(6.876.927.456)
Cộng	73.257.824.191	(2.818.701.741)	61.182.442.796	(6.876.927.456)

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CỬU LONG

Địa chỉ: 36 Bạch Đằng, Phường 4, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(*) Toàn bộ thành phẩm tồn kho được thế chấp để đảm bảo khoản vay của Ngân hàng TNHH Indochina – Chi nhánh Cần Thơ và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	6.876.927.456	811.956.674
Trích lập dự phòng	-	6.064.970.782
Hoàn nhập dự phòng	(4.058.225.715)	-
Số cuối năm	2.818.701.741	6.876.927.456

7. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**7a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	16.847.994	-
Chi phí sửa chữa	682.254.915	-
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	258.692.292	-
Cộng	957.795.201	-

7b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	89.583.332	59.630.345
Chi phí sửa chữa	940.167.239	405.610.565
Cộng	1.029.750.571	465.240.910

8. Tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	37.254.202.207	86.050.395.040	7.294.409.831	799.779.000	131.398.786.078
Mua trong năm	190.909.090	2.019.800.000	-	-	2.210.709.090
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.132.463.609)	-	-	(1.132.463.609)
Số cuối năm	37.445.111.297	86.937.731.431	7.294.409.831	799.779.000	132.477.031.559
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	2.280.789.920	38.897.635.499	5.076.549.196	799.779.000	47.054.753.615
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	21.602.836.446	63.539.664.314	6.394.419.299	659.779.016	92.196.699.075
Khấu hao trong năm	2.455.286.855	6.320.328.394	412.810.713	139.999.984	9.328.425.946
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.024.402.997)	-	-	(1.024.402.997)
Số cuối năm	24.058.123.301	68.835.589.711	6.807.230.012	799.779.000	100.500.722.024
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	15.651.365.761	22.510.730.726	899.990.532	139.999.984	39.202.087.003
Số cuối năm	13.386.987.996	18.102.141.720	487.179.819	-	31.976.309.535
Trong đó:					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CỬU LONG

Địa chỉ: 36 Bạch Đằng, Phường 4, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 28.010.732.636 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Trà Vinh, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Trà Vinh và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Trà Vinh.

9. Tài sản cố định vô hình

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Giá trị hao mòn</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	90.920.000	15.504.575	75.415.425
Khấu hao trong năm		1.818.396	
Số cuối năm	90.920.000	17.322.971	73.597.029

10. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**10a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã ghi nhận**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ			
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.031.539.450	(608.734.189)	422.805.261
Dự phòng quỹ trợ cấp thôi việc	529.829.931	(529.829.931)	-
Cộng	1.561.369.381	(1.138.564.120)	422.805.261

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 15%.

10b. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng của năm 2013 với số tiền là 35.991.794.941 VND.

Theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, khoản lỗ của bất kỳ năm tính thuế nào được chuyển sang bù trừ vào thu nhập trong thời gian tối đa không quá 05 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ và chênh lệch tạm thời có thể được khấu trừ không bị giới hạn về thời gian. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận cho những khoản này vì ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những lợi ích đó.

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi nhánh Công ty TNHH Tân Hy	1.101.357.400	105.226.000
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Hạnh Minh Thi	-	331.902.450
DNTN Minh Vân	143.722.700	476.093.200
M.U. Sea Foods., Ltd	4.253.497.380	-
Các nhà cung cấp khác	6.168.317.024	1.520.098.231
Cộng	11.666.894.504	2.433.319.881

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CỬU LONG

Địa chỉ: 36 Bạch Đằng, Phường 4, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Phú Cường	-	1.097.094.000
AZ GEMS INC	536.743.486	-
Dksh Switzerland Ltd	-	134.735.294
Fredag AG	1.512.347.313	-
Các khách hàng khác	250.000	-
Cộng	2.049.340.799	1.231.829.294

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong năm</u>		<u>Số cuối năm</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã thực nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	34.782.806	-	397.610.510	(371.726.367)	60.666.949	-
Thuế tài nguyên	1.061.750	-	26.502.950	(24.689.500)	2.875.200	-
Thuế nhà đất	-	-	350.481.170	(435.903.930)	-	85.422.760
Các loại thuế khác	-	-	5.000.000	(5.000.000)	-	-
Cộng	35.844.556	-	779.594.630	(837.319.797)	63.542.149	85.422.760

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho từng mặt hàng như sau:

- Hàng thủy sản xuất khẩu	0%
- Hàng thủy sản đã qua chế biến nội tiêu, vật tư bao bì	10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài chính, Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động chế biến thủy hải sản với thuế suất 15%.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% (năm trước là 22%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	14.650.341.391	4.286.672.056
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	889.795.958	547.681.431
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	15.540.137.349	4.834.353.487
Lỗi các năm trước được chuyển	(15.540.137.349)	(4.834.353.487)
Thu nhập tính thuế	-	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	15%	15%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CỬU LONG

Địa chỉ: 36 Bạch Đằng, Phường 4, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

14. Phải trả người lao động

Tiền lương còn phải trả người lao động.

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí hoa hồng môi giới, bán hàng	1.306.682.130	681.366.901
Chi phí lãi vay	28.766.306	14.672.736
Chi phí gia công tại phân xưởng	115.510.858	65.174.275
Dự phòng tiền lương	-	4.122.177.516
Thuế chống phá giá	193.657.760	-
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	265.070.168	84.446.457
Cộng	1.909.687.222	4.967.837.885

16. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	1.229.517.858	414.013.890
Chi phí thù lao Hội đồng quản trị	51.000.000	103.000.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	374.507.800	374.507.800
Nhận ký quỹ ký cược ngắn hạn	450.000.000	450.000.000
Tiền nhận từ các đơn vị ủy thác xuất, nhập khẩu	7.544.971.800	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	226.107.500	320.000.000
Cộng	9.876.104.958	1.661.521.690

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

17. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn**17a. Vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam ⁽ⁱ⁾	19.932.500.000	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Trà Vinh ⁽ⁱⁱ⁾	15.142.200.000	20.107.435.286
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ ⁽ⁱⁱⁱ⁾	13.395.340.000	-
Ngân hàng TNHH Indovina ^(iv)	9.645.183.800	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Trà Vinh ^(v)	13.908.000.000	32.714.141.124
Cộng	72.023.223.800	52.821.576.410

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CỬU LONG

Địa chỉ: 36 Bạch Đằng, Phường 4, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Trà Vinh để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc hàng tồn kho (xem thuyết minh V.6).
- (ii) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Trà Vinh để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định thuộc phân xưởng 2 và phân xưởng 3 (xem thuyết minh V.8).
- (iii) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền đòi nợ các khoản phải thu hình thành từ các hợp đồng xuất khẩu theo phương thức thanh toán LC, tỷ lệ tài trợ 80%.
- (iv) Khoản vay Ngân hàng TNHH Indovina – Chi nhánh Cần Thơ để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng tồn kho với giá trị tối thiểu là 20.000.000.000 VND (xem thuyết minh V.6).
- (v) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Trà Vinh để bổ sung vốn lưu động với lãi suất được quy định theo từng lần nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng thế chấp một số tài sản cố định tại phân xưởng 1, phân xưởng 2 và phân xưởng 3 (xem thuyết minh V.8).

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

Số đầu năm	52.821.576.410
Số tiền vay phát sinh	437.355.085.052
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	820.875.876
Số tiền vay đã trả	(418.974.313.538)
Số cuối năm	72.023.223.800

17b. Vay dài hạn

Khoản vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Trà Vinh để thanh toán chi phí đầu tư bằng chuyển IQF và hệ thống thiết bị lạnh với lãi suất 10%, thời hạn vay là 03 năm.

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn trong năm như sau:

Số đầu năm	3.025.000.000
Số tiền vay đã trả	(3.025.000.000)
Số cuối năm	-

17c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	343.027.398	415.427.398
Chi quỹ	(11.870.000)	(72.400.000)
Số cuối năm	331.157.398	343.027.398

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CỬU LONG

Địa chỉ: 36 Bạch Đằng, Phường 4, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**19. Vốn chủ sở hữu****19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	80.000.000.000	27.326.000.000	20.711.257.648	(56.148.126.718)	71.889.130.930
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	5.174.544.767	5.174.544.767
Số dư cuối năm trước	80.000.000.000	27.326.000.000	20.711.257.648	(50.973.581.951)	77.063.675.697
Số dư đầu năm nay	80.000.000.000	27.326.000.000	20.711.257.648	(50.973.581.951)	77.063.675.697
Chuyển Quỹ đầu tư phát triển về lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-	-	(20.711.257.648)	20.711.257.648	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	13.511.777.271	13.511.777.271
Số dư cuối năm nay	80.000.000.000	27.326.000.000	-	(16.750.547.032)	90.575.452.968

19b. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.000.000	8.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.000.000	8.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.000.000	8.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.000.000	8.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.000.000	8.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

19c. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã chuyển Quỹ đầu tư phát triển về lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 ngày 25 tháng 4 năm 2016.

20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**20a. Ngoại tệ các loại**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	179.850,30	627.459,31
Euro (EUR)	1.680,38	1.704,82
Dollar Canada (CAD)	349,85	349,85

20b. Nợ khó đòi đã xử lý

Khoản phải thu tiền hàng cửa hàng thuốc thú y thủy sản Hồng Đào với số tiền là 40.032.920 VND đã được xóa sổ do không còn khả năng thu hồi.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	1.897.812.318	20.800.000
Doanh thu bán thành phẩm	617.365.344.859	530.609.568.345
Doanh thu cung cấp dịch vụ	172.334.490	333.824.349
Doanh thu khác	5.369.630.693	2.178.508.908
Cộng	624.805.122.360	533.142.701.602

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản hàng bán bị trả lại.

3. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.828.596.596	20.232.043
Giá vốn của thành phẩm đã bán	577.262.984.974	490.946.970.128
Giá vốn hàng gia công	2.002.741.063	224.011.126
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(4.058.225.715)	6.064.970.782
Cộng	577.036.096.918	497.256.184.079

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	359.555.555	100.052.577
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	2.990.827	20.597.881
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	2.745.916.988	3.627.705.062
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	181.035.983
Cộng	3.108.463.370	3.929.391.503

5. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	2.295.145.419	2.890.292.451
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	247.900.492	2.249.419.533
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.530.961.429	5.284.234.857
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	317.086.302	-
Cộng	4.391.093.642	10.423.946.841

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CỬU LONG

Địa chỉ: 36 Bạch Đằng, Phường 4, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**6. Chi phí bán hàng**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí khấu hao tài sản cố định	412.810.713	578.391.099
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.115.347.217	9.080.905.082
Chi phí khác	2.150.187.686	1.243.051.246
Cộng	13.678.345.616	10.902.347.427

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	5.508.817.214	6.749.632.472
Chi phí đồ dùng văn phòng	355.782.918	380.853.925
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.038.537.459	1.176.624.315
Thuế, phí và lệ phí	1.539.045.942	1.064.900.720
Chi phí dự phòng	311.163.943	78.337.456
Chi phí dịch vụ mua ngoài	305.358.708	311.335.554
Chi phí khác	3.119.427.758	4.150.001.593
Cộng	12.178.133.942	13.911.686.035

8. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Hoàn nhập dự phòng trợ cấp mất việc	2.318.794.375	-
Thu nhập khác	21.489.700	14.525.463
Cộng	2.340.284.075	14.525.463

9. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư	108.060.612	92.350.668
Phạt do vi phạm hành chính	358.400.000	-
Chi phí khác	48.612.474	76.674.842
Cộng	515.073.086	169.025.510

10. Lãi trên cổ phiếu**10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	13.511.777.271	5.174.544.767
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Trích thưởng Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban kiểm soát	-	-
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	13.511.777.271	5.174.544.767
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	8.000.000	8.000.000
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	1.689	647

10b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	598.742.249.337	514.448.220.954
Chi phí nhân công	55.533.363.177	54.364.312.616
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.330.244.342	11.205.935.786
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.317.633.009	19.692.436.673
Chi phí khác	8.061.954.996	7.297.406.627
Cộng	695.985.444.861	607.008.312.656

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt chỉ có lương với tổng tiền lương trong năm là 1.344.195.770 VND (năm trước là 1.335.234.769 VND).

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Bên liên quan khác với Công ty chỉ có Công ty Cổ phần Thủy sản Sao Biển là công ty liên kết.

Giao dịch với các bên liên quan khác

Công ty không phát sinh giao dịch với bên liên quan khác.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công ty không có công nợ với bên liên quan khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CỬU LONG

Địa chỉ: 36 Bạch Đằng, Phường 4, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.



Phạm Thị Huyền Diệu
Người lập biểu



Nguyễn Đông Hải
Kế toán trưởng



Trà Vinh, ngày 04 tháng 3 năm 2017



Trần Thanh Lễ
Tổng Giám đốc

